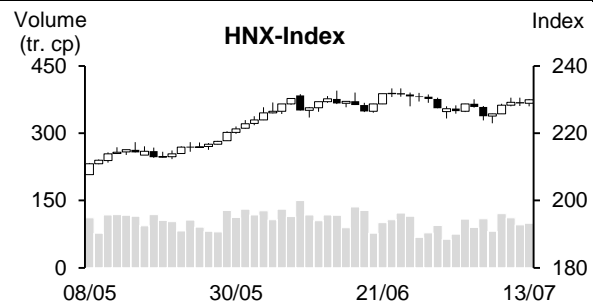
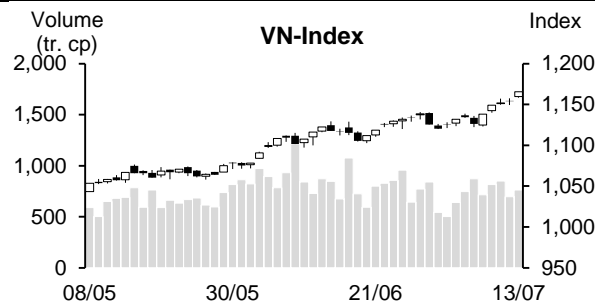


13/07/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,165.42	0.97%	1,156.11	0.83%	229.97	0.48%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>807.00</b>	<b>2.36%</b>	<b>209.88</b>	<b>-17.77%</b>	<b>103.59</b>	<b>2.50%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>760.91</b>	<b>9.20%</b>	<b>187.72</b>	<b>-15.85%</b>	<b>99.28</b>	<b>3.93%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	761.39	-0.06%	205.91	-8.83%	99.03	0.25%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>16,692</b>	<b>0.10%</b>	<b>6,059</b>	<b>-16.33%</b>	<b>1,733</b>	<b>2.68%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>15,502</b>	<b>7.76%</b>	<b>5,263</b>	<b>-15.52%</b>	<b>1,568</b>	<b>3.15%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	14,885	4.14%	5,445	-3.34%	1,596	-1.77%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	334	67%	27	90%	112	45%
<b>Số mã giảm</b>	97	19%	2	7%	72	29%
<b>Số mã đứng giá</b>	70	14%	1	3%	64	26%



## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm hưng phấn với đà tăng nới rộng dần về cuối phiên. Sắc xanh của phố Wall đem qua sau dữ liệu lạm phát tốt hơn kỳ vọng đã tạo đà đi lên cho nhiều thị trường chứng khoán Châu Á hôm nay và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ. Các chỉ số chính mở gap tăng ngay từ đầu phiên. Trong những phiên gần đây, dòng tiền có xu hướng luân phiên tìm đến các nhóm ngành trụ cột để kéo chỉ số và tâm điểm trong phiên hôm nay là dầu khí và bất động sản. Độ rộng thị trường cho thấy sắc xanh áp đảo ở hầu hết các nhóm ngành, đồng thời thanh khoản cũng được cải thiện so với phiên trước. Bên cạnh đó, tin vui cũng đến từ khối ngoại khi các nhà đầu tư này đã bắt đầu giải ngân trở lại, chấm dứt chuỗi 5 phiên bán ròng liên tục trước.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch vượt lên trên mức bình quân 10 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số có phiên tăng mạnh với nền cơ đặc giúp xua tan lo ngại hai phiên giằng co và lưỡng lự trước đó, cùng với chòm MA5, 10, 20 giữ trạng thái phân kỳ dương, cho thấy xu hướng phục hồi đang mạnh lên. Thêm vào đó, bộ chỉ báo RSI và MACD hướng lên củng cố đà tăng điểm hiện tại, cho thấy chỉ số có thể hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1.200 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên tăng điểm. Chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với đường RSI vượt lên trên ngưỡng 58, cho thấy cơ hội đi lên của chỉ số đang gia tăng và chỉ số có thể hướng lên thử thách lại vùng đỉnh 233 điểm hoặc xa hơn là vùng kháng cự tâm lý 250 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng phục hồi ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục thực hiện các vị thế giao dịch lướt sóng, trong đó ưu tiên các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng, và đang thu hút được dòng tiền mạnh.

Cổ phiếu khuyến nghị: PPC (Mua)

Cổ phiếu quan sát: KHP, DXG

(Xem chi tiết ở trang 2)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT****Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PPC	Mua	14/07/23	16.2	16.2	0.0%	17.6	8.6%	15.8	-2.5%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Cắt lỗ	Tín hiệu kỹ thuật
1	KHP	Quan sát mua	14/07/23	10.05	11	9.8	Nén bật tăng kèm vol tăng trở lại sau nhịp điều chỉnh vol cạn dần -> khả năng có thể bắt đầu nhịp tăng mới về lại đỉnh cũ quanh 11
2	DXG	Quan sát mua	14/07/23	15.55	19-20	14.7	Nén bật tăng kèm vol tăng trở lại sau nhịp điều chỉnh vol giảm dần -> khả năng có thể bắt đầu nhịp tăng mới vượt đỉnh cũ 16.1

**Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HCM	Nắm giữ	15/05/23	30.3	25.5	18.8%	31	21.6%	24.4	-4.3%	
2	CTG	Mua	30/05/23	30	28	7.1%	31.1	11.1%	27.2	-3%	
3	SSI	Mua	02/06/23	28.4	23.45	21.1%	31.2	33%	22.45	-4%	
4	GMD	Nắm giữ	21/06/23	57.2	51	12.2%	60	17.6%	48.9	-4%	
5	BID	Mua	23/06/23	46.9	43.95	6.7%	48	9.2%	43	-2%	
6	PLX	Mua	28/06/23	41.4	38.15	8.5%	45	18%	37	-3%	
7	VRE	Nắm giữ	04/07/23	28.15	27	4.3%	29.9	11%	26.4	-2%	
8	MSN	Mua	11/07/23	81.8	77.9	5%	85	9%	74.3	-5%	
9	BCM	Mua	12/07/23	81	81	0.0%	97	20%	79	-2%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Cuộc đua “săn tìm” quỹ đất của các ông lớn ngoại, thị trường M&A có thể chứng kiến mức độ sôi động chưa từng có từ nay đến 2024**

Nhiều chuyên gia nhận định, hiện nay là thời cơ để nhà đầu tư nước ngoài thâm nhập, rót hàng tỉ USD vốn đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam. Xu hướng này có thể tiếp tục gia tăng trong thời gian tới, trong bối cảnh một số doanh nghiệp địa ốc đang cần “phao cứu sinh” giữa lúc nguồn vốn hạn hẹp.

Từ năm 2022 đến đầu năm 2023, hàng loạt thương vụ mua – bán dự án lớn đã thu hút sự quan tâm của dư luận. Cái tên đình đám trên thị trường M&A gắn liền với loạt dự án bất động sản khu đô thị tại Việt Nam phải kể đến Tập đoàn Keppel.

Thương vụ gần đây nhất của Tập đoàn này là Keppel Corporation (Keppel Corp), doanh nghiệp hàng đầu Singapore, thông qua công ty con Keppel Land chi 1.230 tỷ đồng mua lại một dự án bất động sản đang triển khai tại Hà Nội. Trước đó không lâu, Tập đoàn Keppel công bố sẽ cùng quỹ đầu tư Keppel Việt Nam (KVF) chi khoảng 3.180 tỷ đồng mua cổ phần 2 dự án Emeria (6 ha) và Clarita (5,8 ha) ở Tp.Thủ Đức (Tp.HCM) của Khang Điền.

Một ông nhà đầu tư ngoại khác là Tập đoàn CapitaLand cũng liên tục thâm thu tóm quỹ đất bất động sản tại Việt Nam. Hồi tháng 3/2023, Tập đoàn đàm phán mua tài sản trị giá khoảng 1,5 tỷ USD từ Vinhomes (mã: VHM) gây nhiều chú ý. Trước đó, CapitaLand mua lại thành công 86 triệu cổ phần, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty CP BCLand. Tổng giá trị thương vụ là 1,380 tỉ đồng.

Đầu tháng 4/2023 tại Nhật Bản, Tập đoàn Sumitomo Forestry và Kim Oanh Group đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược trong lĩnh vực bất động sản. Theo thỏa thuận hợp tác, Sumitomo Forestry sẽ rót vốn cùng Kim Oanh Group thành lập Công ty liên doanh KS Sustainable Development JSC để triển khai một dự án bất động sản tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Có thể nói mức độ quan tâm của các nhà đầu tư liên quan đến M&A tăng cao cùng nhiều chủ tài sản có nhu cầu bán là động lực thúc đẩy hoạt động M&A từ nay đến hết 2023. Từ nay đến 2024, thị trường M&A có thể chứng kiến mức độ sôi động chưa từng có. Tuy nhiên, do có nhiều khó khăn trong quá trình cấp phép, phê duyệt thủ tục hành chính của các cơ quan chức năng nên việc chốt giao dịch có thể mất nhiều thời gian hơn.

#### **Giải ngân đầu tư công khởi sắc, vượt 60.000 tỷ đồng cùng kỳ**

Theo đánh giá của Vụ trưởng Vụ Kiểm soát chi (Kho bạc Nhà nước), tiến độ giải ngân vốn đầu tư công khởi sắc. Cụ thể, so với cùng kỳ năm 2022, số giải ngân nguồn vốn đầu tư công thuộc kế hoạch năm 2023 tăng 60.090 tỷ đồng về giá trị; tăng 3,3% về tỷ lệ so với kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước.

Nguồn: Cafef, VnEconomy

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại Bảo Việt có thể giảm xuống 51%, cổ đông chiến lược Sumitomo Life đề nghị khả năng tăng đầu tư**

Theo báo cáo cập nhật mới nhất của Chứng khoán Vietcap, tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại BVH có thể giảm xuống dưới 51% từ năm 2026 bằng cách (1) tăng tỷ lệ góp vốn của các cổ đông khác và/hoặc (2) phát hành riêng lẻ.

Bộ Tài chính (MoF) và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) hiện sở hữu lần lượt 65% và 3% cổ phần tại BVH. Theo Vietcap, trong giai đoạn 2023-2025, BVH sẽ lên kế hoạch trình cổ đông, nội dung gồm (1) giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước và tăng vốn điều lệ cũng như (2) cổ phần hóa 2 công ty con là Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt (BH Phi nhân thọ) để tăng tính linh hoạt trong huy động vốn.

Sau khi giảm sở hữu Nhà nước, Bộ Tài chính vẫn sẽ là cổ đông lớn nhất của BVH. Mặt khác, cổ đông chiến lược đến từ Nhật Bản là Sumitomo Life (nắm 22% cổ phần) cũng cho biết sẽ tích cực xem xét tăng đầu tư vào BVH trong thời gian tới.

### **VCB: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank, mã chứng khoán VCB) phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 1.000:181. Ngày giao dịch không hưởng quyền: 25/7/2023. Ngày đăng ký cuối cùng: 26/7/2023. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 856.585.497 cổ phiếu.

### **PV Power ước đạt 9.143 tỷ đồng doanh thu trong quý 2, cao nhất kể từ quý 4/2019**

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, POW) vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với doanh thu ước đạt 16.567 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Sản lượng điện nửa đầu năm khoảng 8,31 triệu kWh.

Trong quý 1, PV Power báo cáo doanh thu 7.424 tỷ đồng. Như vậy, tính riêng quý 2, PV Power ước tính đạt 9.143 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức doanh thu theo quý đạt được cao nhất trong vòng 4 năm qua, tức từ quý 4/2019 đến nay. So với kế hoạch năm, công ty cũng đã hoàn thành 55%.

Tuy nhiên, kế hoạch 6 tháng cuối năm của PV Power giảm so với nửa đầu năm khi dự kiến đạt chỉ tiêu sản lượng điện là 7.838 triệu kWh, doanh thu kế hoạch là 11.627 tỷ đồng.

### **CTR: Đạt doanh thu 5.063 tỷ đồng, lợi nhuận 288,8 tỷ đồng, tăng trưởng 20%**

Tổng công ty cổ phần Công trình Viettel (Viettel Construction - Mã: CTR) vừa công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm. Doanh thu của Viettel Construction trong nửa đầu năm 2023 đạt 5.063 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ 2022 (tương đương tăng 837 tỷ đồng). Với kết quả này, Viettel Construction đã thực hiện được 49% kế hoạch doanh thu năm 2023 là 10.338,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 288,8 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ 2022 tương đương tăng 48,6 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt được trong nửa đầu năm tương đương tỷ lệ thực hiện 47,1% kế hoạch doanh thu năm 2023 là 613,2 tỷ đồng.

### **TNG giải thể hai công ty con**

Ngày 11/07, CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) công bố giải thể hai công ty con gồm Công ty TNHH một thành viên TNG Eco Green và Công ty TNHH TNG Fashion.Eco Green và Fashion đều có vốn điều lệ 50 tỷ đồng, do TNG sở hữu 100% vốn. TNG cho biết lý do giải thể vì mục tiêu hoạt động của 2 công ty con trên không còn phù hợp với nhu cầu của TNG.

Nguồn: Cafef, Fireant

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
GAS	99,300	2.90%	0.12%
VHM	56,300	2.18%	0.11%
VCB	104,900	0.87%	0.09%
MSN	81,800	2.89%	0.07%
VPB	19,950	1.53%	0.04%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
CEO	21,400	3.88%	0.07%
IDC	44,300	1.14%	0.06%
SHS	14,500	1.40%	0.06%
DHT	28,100	7.66%	0.05%
DTK	11,200	1.82%	0.05%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VNM	73,100	-0.54%	-0.02%
HVN	12,550	-1.18%	-0.01%
PDN	125,600	-4.85%	-0.01%
EIB	20,250	-0.49%	0.00%
PLX	41,400	-0.24%	0.00%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DNP	26,600	-6.34%	-0.07%
NVB	14,100	-2.08%	-0.06%
KSV	25,000	-1.96%	-0.03%
BCF	31,000	-8.82%	-0.03%
VIT	17,100	-9.52%	-0.03%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
GEX	20,200	4.66%	38,091,102
DIG	22,100	4.99%	35,996,560
NVL	14,950	2.40%	30,509,991
DXG	15,550	4.01%	26,702,636
VND	17,950	1.99%	25,385,185

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
CEO	21,400	3.88%	18,292,271
SHS	14,500	1.40%	14,623,668
IDJ	5,600	-1.75%	6,788,850
NRC	6,500	4.84%	3,779,501
PVS	34,000	0.59%	3,501,309

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
DIG	22,100	4.99%	780.0
GEX	20,200	4.66%	759.8
DGC	71,200	5.17%	471.7
SSI	28,400	1.61%	456.3
VND	17,950	1.99%	453.9

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
CEO	21,400	3.88%	375.4
SHS	14,500	1.40%	209.7
IDC	44,300	1.14%	149.1
PVS	34,000	0.59%	119.0
MBS	20,400	0.99%	55.0

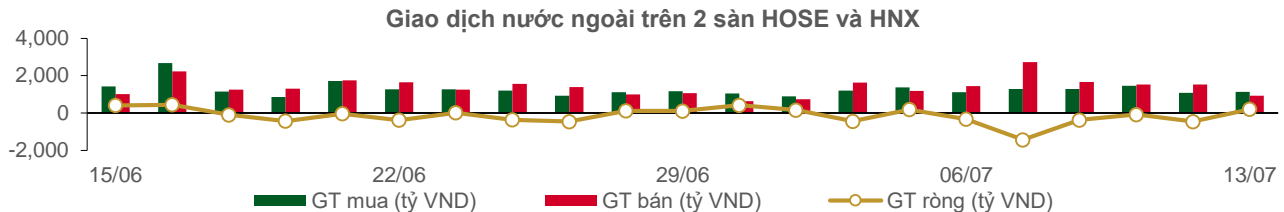
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
MSN	2,223,000	170.98
VPB	8,526,900	168.82
TCB	4,140,566	133.26
EIB	4,841,000	98.51
VCB	755,000	73.31

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
IDC	3,703,200	146.28
GKM	297,000	13.84
TKG	200,000	2.70
HUT	108,000	2.05
AAV	0	0.00

**Thông kê giao dịch khối ngoại**

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	35.33	1,120.10	36.15	903.31	(0.83)	216.80
HNX	0.57	9.51	0.73	22.30	(0.16)	(12.79)
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>35.89</b>	<b>1,129.61</b>	<b>36.88</b>	<b>925.61</b>	<b>(0.99)</b>	<b>204.01</b>



**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VCB	104,900	1,112,700	110.70
SSI	28,400	3,862,600	109.05
MSN	81,800	1,374,900	106.96
MWG	49,350	1,349,700	67.05
PNJ	78,000	866,300	66.95

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
CEO	21,400	215,020	4.34
PVS	34,000	20,300	0.69
TVD	15,900	38,800	0.61
TIG	12,200	50,000	0.61
DTD	36,200	16,200	0.59

**TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VRE	28,150	2,510,000	70.63
DGC	71,200	951,500	68.25
BID	46,900	1,386,100	65.21
VPB	19,950	2,917,800	57.66
VCB	104,900	551,400	57.59

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
PVS	34,000	274,000	9.31
PVI	48,800	185,900	9.06
CEO	21,400	68,900	1.38
NVB	14,100	52,780	0.75
NBC	12,600	30,129	0.38

**TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
MSN	81,800	1,284,400	99.66
SSI	28,400	2,537,800	71.65
MWG	49,350	1,346,500	66.89
VHM	56,300	987,800	55.23
VCB	104,900	561,300	53.11

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
CEO	21,400	146,120	2.95
TVD	15,900	38,800	0.61
DTD	36,200	15,600	0.57
DDG	7,800	69,900	0.54
TIG	12,200	39,400	0.48

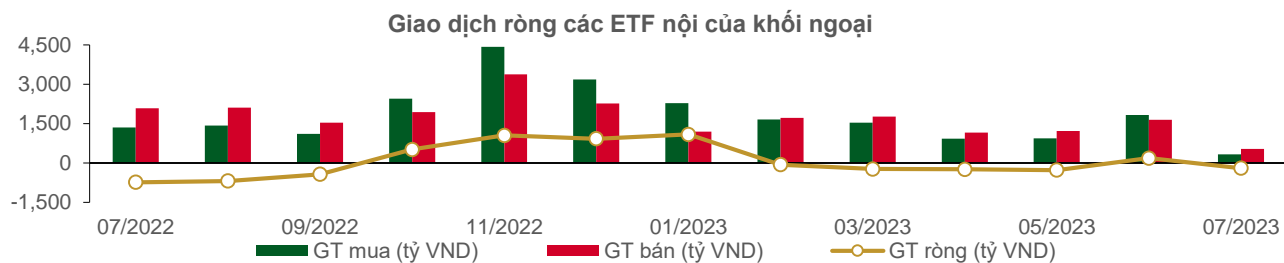
**TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
DGC	71,200	(823,200)	(59.10)
VPB	19,950	(2,724,900)	(53.85)
EIB	20,250	(1,260,600)	(25.57)
VRE	28,150	(896,000)	(25.25)
POW	13,350	(1,639,200)	(21.81)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVI	48,800	(185,900)	(9.06)
PVS	34,000	(253,700)	(8.62)
NVB	14,100	(52,780)	(0.75)
NBC	12,600	(30,129)	(0.38)
IVS	10,000	(29,400)	(0.29)

## Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	19,800	1.0%	299,606	5.91	E1VFN30	4.27	4.91	(0.64)
FUEMAV30	13,680	0.7%	12,200	0.17	FUEMAV30	0.13	0.00	0.13
FUESSV30	14,200	1.4%	4,335	0.06	FUESSV30	0.01	0.00	0.01
FUESSV50	17,830	4.5%	48,601	0.86	FUESSV50	0.00	0.01	(0.01)
FUESSVFL	17,870	0.4%	33,101	0.59	FUESSVFL	0.14	0.00	0.14
FUEVFN30	24,950	2.1%	1,051,647	26.02	FUEVFN30	8.02	12.09	(4.06)
FUEVN100	15,000	0.8%	89,200	1.34	FUEVN100	0.49	0.90	(0.40)
FUEIP100	8,310	0.5%	3,500	0.03	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	7,570	0.9%	51,800	0.39	FUEKIV30	0.18	0.21	(0.02)
FUEDCMID	9,610	-3.4%	10,000	0.10	FUEDCMID	0.00	0.09	(0.09)
FUEKIVFS	10,280	1.2%	2,486,200	25.44	FUEKIVFS	10.05	15.39	(5.33)
FUEMAVND	10,350	0.5%	2,960,100	30.52	FUEMAVND	30.52	30.52	0.00
FUEFCV50	14,000	0.0%	0	0.00	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>4,090,190</b>	<b>60.91</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.31</b>	<b>33.59</b>	<b>(10.28)</b>



## Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2208	1,320	0.0%	23,620	54	22,000	1,284	(36)	17,940	3.3	05/09/2023
CACB2301	250	0.0%	5,120	25	22,000	255	5	23,120	1.7	07/08/2023
CFPT2210	360	2.9%	128,150	49	75,800	366	6	77,380	8.6	31/08/2023
CFPT2213	1,530	2.0%	24,610	54	75,800	1,447	(83)	64,050	8.6	05/09/2023
CFPT2214	1,630	1.2%	1,310	111	75,800	1,456	(174)	65,340	8.6	01/11/2023
CFPT2302	560	3.7%	1,380	34	75,800	549	(11)	73,080	8.6	16/08/2023
CFPT2303	630	1.6%	58,310	119	75,800	825	195	73,940	8.6	09/11/2023
CHDB2301	550	-1.8%	67,420	109	18,600	299	(251)	19,330	4.0	30/10/2023
CHDB2302	710	-28.3%	2,300	133	18,600	375	(335)	19,000	4.0	23/11/2023
CHDB2303	710	-28.3%	1,620	165	18,600	318	(392)	20,110	4.0	25/12/2023
CHDB2304	850	-22.0%	2,600	256	18,600	366	(484)	21,000	4.0	25/03/2024
CHPG2226	3,910	0.5%	3,520	54	27,050	3,858	(52)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	3,820	-1.5%	27,920	111	27,050	3,611	(209)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2302	3,960	-0.3%	13,950	76	27,050	3,694	(266)	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2303	3,170	2.6%	15,120	4	27,050	3,162	(8)	23,900	1.0	17/07/2023
CHPG2304	2,280	0.0%	110	34	27,050	2,186	(94)	23,000	2.0	16/08/2023
CHPG2305	2,100	1.4%	3,480	25	27,050	2,038	(62)	23,200	2.0	07/08/2023
CHPG2306	2,540	5.4%	24,240	119	27,050	2,565	25	20,000	3.0	09/11/2023
CHPG2307	1,820	0.6%	5,050	173	27,050	1,547	(273)	22,670	4.0	02/01/2024
CHPG2308	1,620	0.6%	6,440	109	27,050	1,487	(133)	22,110	4.0	30/10/2023
CHPG2309	2,070	0.5%	31,830	316	27,050	2,212	142	24,000	3.0	24/05/2024
CHPG2310	1,320	1.5%	3,320	81	27,050	1,207	(113)	23,220	4.0	02/10/2023
CHPG2311	1,900	0.0%	2,470	141	27,050	1,725	(175)	21,230	4.0	01/12/2023
CHPG2312	1,590	1.9%	1,180	173	27,050	1,374	(216)	23,780	4.0	02/01/2024
CHPG2313	1,920	1.1%	1,870	232	27,050	1,579	(341)	23,330	4.0	01/03/2024
CHPG2314	3,760	31.5%	40,370	231	27,050	3,739	(21)	21,450	2.0	29/02/2024
CHPG2315	1,760	15.8%	760	347	27,050	1,288	(472)	27,780	4.0	24/06/2024
CHPG2316	1,920	17.8%	510	438	27,050	1,360	(560)	28,890	4.0	23/09/2024
CMBB2211	70	0.0%	66,180	49	21,100	33	(37)	26,330	3.9	31/08/2023
CMBB2214	2,470	0.8%	26,130	54	21,100	2,343	(127)	16,580	2.0	05/09/2023
CMBB2215	2,420	1.3%	30,750	111	21,100	2,107	(313)	17,560	2.0	01/11/2023
CMBB2303	610	8.9%	19,120	25	21,100	697	87	20,290	2.0	07/08/2023
CMBB2304	730	-8.8%	24,050	81	21,100	645	(85)	14,950	9.8	02/10/2023
CMBB2305	710	-1.4%	10,180	173	21,100	544	(166)	16,580	9.8	02/01/2024
CMBB2306	2,270	-1.3%	29,490	316	21,100	2,143	(127)	19,510	2.0	24/05/2024
CMSN2215	120	0.0%	37,960	54	81,800	76	(44)	102,000	10.0	05/09/2023
CMSN2301	1,520	10.1%	710	109	81,800	1,253	(267)	73,980	10.0	30/10/2023
CMSN2302	4,200	19.0%	2,420	316	81,800	3,799	(401)	66,000	6.0	24/05/2024
CMSN2303	1,080	12.5%	64,320	81	81,800	905	(175)	78,000	10.0	02/10/2023
CMSN2304	1,580	9.7%	2,390	141	81,800	1,260	(320)	75,680	10.0	01/12/2023
CMSN2305	1,870	6.3%	900	232	81,800	1,466	(404)	76,790	10.0	01/03/2024
CMWG2214	630	5.0%	74,780	54	49,350	517	(113)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	940	1.1%	16,540	111	49,350	758	(182)	45,000	10.0	01/11/2023
CMWG2301	1,150	64.3%	40	4	49,350	453	(697)	46,300	7.0	17/07/2023
CMWG2302	620	6.9%	101,200	119	49,350	863	243	50,000	6.0	09/11/2023
CMWG2303	980	2.1%	35,500	81	49,350	916	(64)	31,330	20.0	02/10/2023
CMWG2304	980	2.1%	3,150	173	49,350	831	(149)	34,000	20.0	02/01/2024
CMWG2305	4,500	3.0%	35,140	316	49,350	4,140	(360)	36,000	4.0	24/05/2024
CNVL2301	1,290	5.7%	16,050	109	14,950	625	(665)	13,460	4.0	30/10/2023
CNVL2302	980	-2.0%	2,230	133	14,950	338	(642)	16,330	4.0	23/11/2023
CNVL2303	1,340	3.1%	170	256	14,950	450	(890)	17,330	4.0	25/03/2024
CPDR2301	1,640	1.9%	66,990	109	19,200	1,355	(285)	14,220	4.0	30/10/2023



Bản tin chứng khoán

CPDR2302	1,310	8.3%	30	133	19,200	670	(640)	18,670	4.0	23/11/2023
CPDR2303	1,670	16.8%	30	256	19,200	782	(888)	19,890	4.0	25/03/2024
CPOW2301	730	2.8%	39,150	109	13,350	569	(161)	13,980	2.0	30/10/2023
CPOW2302	820	-14.6%	20	133	13,350	580	(240)	14,330	2.0	23/11/2023
CPOW2303	800	-24.5%	50	165	13,350	511	(289)	15,330	2.0	25/12/2023
CPOW2304	950	-24.0%	1,080	256	13,350	592	(358)	16,330	2.0	25/03/2024
CSTB2224	5,060	3.9%	12,640	54	30,000	5,071	11	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	5,100	-1.7%	1,220	111	30,000	5,005	(95)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2301	970	-10.2%	60	4	30,000	1,205	235	26,400	3.0	17/07/2023
CSTB2302	1,040	5.1%	400	25	30,000	1,351	311	28,200	2.0	07/08/2023
CSTB2303	4,490	2.0%	9,550	119	30,000	4,403	(87)	22,000	2.0	09/11/2023
CSTB2304	930	9.4%	1,460	109	30,000	844	(86)	28,670	5.0	30/10/2023
CSTB2305	1,170	2.6%	10	173	30,000	988	(182)	29,110	5.0	02/01/2024
CSTB2306	2,620	0.8%	38,490	316	30,000	3,091	471	30,000	2.0	24/05/2024
CSTB2307	640	6.7%	41,880	81	30,000	614	(26)	30,000	5.0	02/10/2023
CSTB2308	1,130	1.8%	1,330	141	30,000	1,032	(98)	27,800	5.0	01/12/2023
CSTB2309	970	5.4%	1,080	173	30,000	859	(111)	30,560	5.0	02/01/2024
CSTB2310	1,140	0.9%	5,680	232	30,000	1,027	(113)	30,330	5.0	01/03/2024
CSTB2311	2,320	26.1%	2,700	140	30,000	2,600	280	27,700	2.0	30/11/2023
CSTB2312	1,360	-2.2%	320	347	30,000	1,050	(310)	33,330	5.0	24/06/2024
CSTB2313	1,440	-3.4%	4,330	438	30,000	1,081	(359)	35,560	5.0	23/09/2024
CTCB2212	70	16.7%	90,390	49	31,950	15	(55)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2215	1,560	2.0%	20,240	54	31,950	1,476	(84)	26,500	4.0	05/09/2023
CTCB2216	1,650	0.6%	3,420	111	31,950	1,458	(192)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,350	0.7%	1,100	34	31,950	960	(390)	30,000	3.0	16/08/2023
CTCB2302	2,940	-2.0%	24,730	316	31,950	2,713	(227)	27,000	3.0	24/05/2024
CTPB2301	900	2.3%	2,560	25	18,250	903	3	16,840	1.9	07/08/2023
CTPB2302	690	0.0%	70,710	81	18,250	597	(93)	14,220	7.2	02/10/2023
CTPB2303	670	-2.9%	49,870	173	18,250	503	(167)	15,810	7.2	02/01/2024
CVHM2216	170	6.3%	27,290	49	56,300	135	(35)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2219	910	9.6%	52,040	54	56,300	670	(240)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	1,230	10.8%	19,310	111	56,300	781	(449)	58,000	5.0	01/11/2023
CVHM2301	840	10.5%	20,280	109	56,300	544	(296)	56,880	8.0	30/10/2023
CVHM2302	3,520	6.0%	2,730	316	56,300	2,861	(659)	50,000	4.0	24/05/2024
CVHM2303	570	14.0%	34,630	81	56,300	311	(259)	59,890	8.0	02/10/2023
CVHM2304	1,210	8.0%	8,140	141	56,300	839	(371)	53,560	8.0	01/12/2023
CVHM2305	1,280	10.3%	1,910	232	56,300	780	(500)	57,780	8.0	01/03/2024
CVIB2201	3,000	-0.3%	1,810	54	20,200	2,767	(233)	15,960	1.6	05/09/2023
CVIB2301	460	7.0%	15,810	25	20,200	590	130	20,210	1.6	07/08/2023
CVIB2302	2,160	3.8%	16,160	316	20,200	2,361	201	19,150	1.7	24/05/2024
CVIC2301	710	1.4%	39,160	109	51,500	339	(371)	53,980	8.0	30/10/2023
CVIC2302	790	-19.4%	20	133	51,500	316	(474)	55,670	8.0	23/11/2023
CVIC2303	820	-24.1%	20	165	51,500	296	(524)	57,780	8.0	25/12/2023
CVIC2304	1,030	-12.7%	20	256	51,500	367	(663)	59,890	8.0	25/03/2024
CVNM2212	270	-3.6%	31,630	54	73,100	115	(155)	80,560	7.9	05/09/2023
CVNM2301	1,000	-1.0%	11,040	109	73,100	723	(277)	68,890	10.0	30/10/2023
CVNM2302	750	0.0%	32,010	81	73,100	458	(292)	72,220	10.0	02/10/2023
CVNM2303	1,120	3.7%	570	141	73,100	723	(397)	70,000	10.0	01/12/2023
CVNM2304	1,410	2.2%	1,870	232	73,100	836	(574)	71,000	10.0	01/03/2024
CVPB2212	130	0.0%	40,900	49	19,950	54	(76)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	1,000	2.0%	19,700	54	19,950	820	(180)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	700	1.4%	4,030	76	19,950	419	(281)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	1,360	2.3%	1,970	34	19,950	927	(433)	18,600	2.0	16/08/2023
CVPB2303	510	0.0%	44,100	81	19,950	280	(230)	15,780	16.0	02/10/2023
CVPB2304	550	-1.8%	40,670	173	19,950	257	(293)	17,000	16.0	02/01/2024
CVRE2216	230	0.0%	35,570	49	28,150	214	(16)	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2220	400	8.1%	58,380	54	28,150	310	(90)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	480	0.0%	3,000	111	28,150	339	(141)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2301	350	400.0%	270	4	28,150	21	(329)	29,700	4.0	17/07/2023
CVRE2302	630	-3.1%	6,440	109	28,150	524	(106)	28,670	5.0	30/10/2023

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Bản tin chứng khoán

CVRE2303	2,260	-1.3%	21,290	316	28,150	2,170	(90)	25,000	3.0	24/05/2024
CVRE2304	410	-2.4%	18,350	81	28,150	338	(72)	30,000	5.0	02/10/2023
CVRE2305	890	0.0%	50,430	141	28,150	753	(137)	27,110	5.0	01/12/2023
CVRE2306	940	1.1%	980	232	28,150	746	(194)	29,330	5.0	01/03/2024

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
<a href="#">TCM</a>	HOSE	53,800	52,300	06/07/2023	211	20.4	2.1
<a href="#">PLX</a>	HOSE	41,400	45,100	05/07/2023	3,513	18.3	2.5
<a href="#">ACB</a>	HOSE	22,000	25,400	30/06/2023	14,955	6.6	1.3
<a href="#">VCB</a>	HOSE	104,900	131,270	13/06/2023	36,911	16.8	3.6
<a href="#">BID</a>	HOSE	46,900	57,956	13/06/2023	23,019	12.7	2.3
<a href="#">CTG</a>	HOSE	30,000	39,700	13/06/2023	19,121	10.0	1.5
<a href="#">MBB</a>	HOSE	21,100	27,200	13/06/2023	21,242	5.8	1.2
<a href="#">HDB</a>	HOSE	18,600	23,170	13/06/2023	10,216	6.2	1.3
<a href="#">VPB</a>	HOSE	19,950	19,260	13/06/2023	15,638	8.3	1.1
<a href="#">TCB</a>	HOSE	31,950	47,270	13/06/2023	21,351	7.8	1.2
<a href="#">TPB</a>	HOSE	18,250	24,000	13/06/2023	6,732	5.7	1.0
<a href="#">OCB</a>	HOSE	18,500	22,700	13/06/2023	4,354	7.2	1.1
<a href="#">VIB</a>	HOSE	20,200	29,300	13/06/2023	9,378	6.6	1.5
<a href="#">LPB</a>	HOSE	16,000	18,800	13/06/2023	4,925	6.6	1.1
<a href="#">MSB</a>	HOSE	12,950	21,900	13/06/2023	4,803	9.1	1.4
<a href="#">SHB</a>	HOSE	13,800	15,600	13/06/2023	8,035	6.0	0.9
<a href="#">DHG</a>	HOSE	132,100	111,600	13/06/2023	1,061	13.8	3.0
<a href="#">IMP</a>	HOSE	64,500	68,000	13/06/2023	286	15.9	2.2
<a href="#">POW</a>	HOSE	13,350	15,500	13/06/2023	2,948	14.0	1.1
<a href="#">NT2</a>	HOSE	30,200	34,200	13/06/2023	732	13.4	2.1
<a href="#">GEG</a>	HOSE	14,850	18,800	13/06/2023	208	46.5	1.7
<a href="#">QTP</a>	UPCOM	17,854	23,900	13/06/2023	1,300	8.3	1.6
<a href="#">GAS</a>	HOSE	99,300	111,200	13/06/2023	13,688	15.7	3.1
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	18,455	24,900	13/06/2023	8,347	6.3	0.9
<a href="#">PVS</a>	HNX	34,000	30,700	13/06/2023	1,059	16.8	1.2
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	18,011	19,200	13/06/2023	597	12.9	1.3
<a href="#">FMC</a>	HOSE	46,700	50,700	13/06/2023	314	10.5	1.4
<a href="#">MSH</a>	HOSE	38,950	37,450	13/06/2023	262	8.2	1.3
<a href="#">VHM</a>	HOSE	56,300	83,100	13/06/2023	29,034	12.5	2.3
<a href="#">NLG</a>	HOSE	34,650	38,400	13/06/2023	642	22.9	1.4
<a href="#">KDH</a>	HOSE	31,700	36,500	13/06/2023	1,363	19.1	1.9
<a href="#">VRE</a>	HOSE	28,150	39,700	13/06/2023	3,345	26.9	2.6
<a href="#">IDC</a>	HNX	44,300	46,600	13/06/2023	1,960	6.1	2.0
<a href="#">KBC</a>	HOSE	31,000	32,000	13/06/2023	2,073	11.9	1.3
<a href="#">DPR</a>	HOSE	60,000	88,300	13/06/2023	239	15.9	1.0
<a href="#">MWG</a>	HOSE	49,350	50,000	13/06/2023	2,325	33.3	3.0
<a href="#">FRT</a>	HOSE	76,400	85,000	13/06/2023	107	111.1	6.6
<a href="#">DGW</a>	HOSE	50,400	38,500	13/06/2023	393	16.3	2.4
<a href="#">HPG</a>	HOSE	27,050	35,400	13/06/2023	7,698	16.6	1.2
<a href="#">VNM</a>	HOSE	73,100	70,200	13/06/2023	9,143	18.0	4.5
<a href="#">SAB</a>	HOSE	153,500	162,300	13/06/2023	5,641	21.0	5.6
<a href="#">SBT</a>	HOSE	17,000	16,700	13/06/2023	827	15.7	1.1

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	78,000	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
<a href="#">PVI</a>	HNX	48,800	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
<a href="#">BMI</a>	HOSE	25,500	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
<a href="#">BVH</a>	HOSE	47,000	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
<a href="#">ANV</a>	HOSE	38,000	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
<a href="#">VHC</a>	HOSE	74,500	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
<a href="#">SZC</a>	HOSE	32,400	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
<a href="#">GVR</a>	HOSE	21,650	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
<a href="#">LHG</a>	HOSE	28,400	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
<a href="#">PVT</a>	HOSE	23,700	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
<a href="#">TRA</a>	HOSE	89,500	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
<a href="#">STK</a>	HOSE	29,200	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trừ trách nhiệm**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458  
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,  
Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912